

I. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

1/ Nội dung ôn tập

- Thời tiết khí hậu. Biến đổi khí hậu
- Thủy quyển. Vòng tuần hoàn của nước
- Sông và hồ
- Biển và đại dương
- Lớp đất trên Trái Đất

2/ Bài tập

Câu 1. Trên bề mặt Trái Đất có bao nhiêu đới ôn hòa?

- A. 4. B. 5. C. 2. D. 3.

Câu 2. Khí hậu là hiện tượng khí tượng

- A. xảy ra trong một thời gian ngắn ở một nơi.
B. lặp đi lặp lại tình hình của thời tiết ở nơi đó.
C. xảy ra trong một ngày ở một địa phương.
D. xảy ra khắp mọi nơi và thay đổi theo mùa.

Câu 3. Trên Trái Đất có bao nhiêu đới khí hậu?

- A. 5. B. 6. C. 3. D. 4.

Câu 4. Biên độ nhiệt năm cao nhất thường ở vĩ độ

- A. Ôn đới. B. Xích đạo. C. Hàn đới. D. Nhiệt đới.

Câu 5. Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với khí hậu đới nóng?

- A. Góc chiếu của ánh sáng Mặt Trời rất nhỏ.
B. Lượng mưa trung bình từ 1000 - 2000 mm.
C. Gió Tín phong thổi thường xuyên quanh năm.
D. Nắng nóng quanh năm và nền nhiệt độ cao.

Câu 6. Thời tiết là hiện tượng khí tượng xảy ra

- A. trong một thời gian ngắn nhất định ở một nơi.
B. lặp đi lặp lại các hiện tượng, khí tượng tự nhiên.
C. trong một thời gian dài ở một nơi nhất định.
D. khắp mọi nơi và không thay đổi theo thời gian.

Câu 7. Các mùa trong năm thể hiện rất rõ là đặc điểm của đới khí hậu nào?

- A. Nhiệt đới. B. Cận nhiệt đới. C. Ôn đới. D. Hàn đới.

Câu 8. Loại gió nào sau đây thổi thường xuyên trong khu vực đới nóng?

- A. Tây ôn đới. B. Gió mùa. C. Tín phong. D. Đông cực.

Câu 9. Việt Nam nằm trong đới khí hậu nào trên Trái Đất?

- A. Cận nhiệt. B. Nhiệt đới. C. Cận nhiệt đới. D. Hàn đới.

Câu 10. Biến đổi khí hậu là những thay đổi của

- A. sinh vật. B. sông ngòi. C. khí hậu. D. địa hình.

Câu 11. Trên Trái Đất có những đới khí hậu nào sau đây?

- A. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, hai đới lạnh.

B. Hai đới nóng, một đới ôn hoà, hai đới lạnh.

C. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

D. Hai đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

Câu 12. Biểu hiện chủ yếu của biến đổi khí hậu là

A. nhiệt độ Trái Đất tăng.

C. mực nước ở sông tăng.

B. số lượng sinh vật tăng.

D. dân số ngày càng tăng.

Câu 13. Loại gió nào sau đây thổi thường xuyên ở khu vực đới lạnh?

A. Tín phong.

B. Đông cực.

C. Tây ôn đới.

D. Gió mùa.

Câu 14. Biến đổi khí hậu là do tác động của

A. các thiên thạch rơi xuống.

C. các thiên tai trong tự nhiên.

B. các vụ nổ hạt nhân, thử vũ khí.

D. các hoạt động của con người.

Câu 15. Lượng mưa trung bình năm trên 2000mm là đặc điểm của đới khí hậu ...

A. Cận nhiệt.

B. Hàn đới.

C. Nhiệt đới.

D. Ôn đới.

Câu 16. Một trong những biểu hiện của biến đổi khí hậu là

A. quy mô kinh tế thế giới tăng.

C. thiên tai bất thường, đột ngột.

B. dân số thế giới tăng nhanh.

D. thực vật đột biến gen tăng.

Câu 17. Sự nóng lên của Trái Đất không làm cho

A. băng hai cực tăng.

C. sinh vật phong phú.

B. mực nước biển dâng.

D. thiên tai bất thường.

Câu 18. Biện pháp nào thường **không** sử dụng để ứng phó trước khi xảy ra thiên tai?

A. Gia cố nhà cửa.

C. Sơ tán người.

B. Bảo quản đồ đạc.

D. Phòng dịch bệnh.

Câu 19. Ở nước ta, vùng nào sau đây chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu?

A. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Hồng.

D. Bắc Trung Bộ.

Câu 20. Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu **không phải** là

A. tiết kiệm điện, nước.

C. giảm thiểu chất thải.

B. trồng nhiều cây xanh.

D. khai thác tài nguyên.

Câu 21. Trên Trái Đất nước mặn chiếm khoảng

A. 30,1%.

B. 2,5%.

C. 97,5%.

D. 68,7%

Câu 22. Thủy quyển là lớp nước trên Trái Đất không tồn tại ở trạng thái ...?

A. Rắn.

B. Quánh dẻo.

C. Hơi.

D. Lỏng.

Câu 23. Trên Trái Đất diện tích đại dương chiếm

A. 1/2.

B. 3/4.

C. 2/3.

D. 4/5.

Câu 24. Nước từ đại dương bốc hơi được gió đưa vào lục địa gây mưa rơi xuống thành các dạng nước rồi đổ ra đại dương, hiện tượng đó là

A. vòng tuần hoàn địa chất.

C. vòng tuần hoàn của sinh vật.

B. vòng tuần hoàn nhỏ của nước.

D. vòng tuần hoàn lớn của nước.

Câu 25. Nguồn nước bị ô nhiễm **không** bao gồm

A. nước biển.

B. nước sông hồ.

C. nước lọc.

D. nước ngầm.

Câu 26. Nước ngọt trên Trái Đất gồm có

A. nước ngầm, nước biển, nước sông và băng.

B. nước mặt, nước biển, nước ngầm và băng.

C. nước ngầm, nước ao hồ, sông suối và băng.

D. nước mặt, nước khác, nước ngầm và băng.

Câu 27. Nước luôn di chuyển giữa

A. đại dương, các biển và lục địa.

C. lục địa, biển, sông và khí quyển.

B. đại dương, lục địa và không khí.

D. lục địa, đại dương và các ao, hồ.

Câu 28. Khi hơi nước bốc lên từ các đại dương sẽ tạo thành

A. nước.

B. sương.

C. mưa.

D. mây.

Câu 29. Vòng tuần hoàn nhỏ của nước bao gồm những giai đoạn nào sau đây?

A. Bốc hơi và nước rơi.

C. Thẩm và nước rơi

B. Bốc hơi và dòng chảy.

D. Nước rơi và dòng chảy.

Câu 30. Nước trên Trái Đất phân bố chủ yếu ở

A. biển và đại dương.

C. ao, hồ, vũng vịnh.

B. các dòng sông lớn.

D. băng hà, khí quyển.

Câu 31. Nguồn năng lượng chính cung cấp cho vòng tuần hoàn của Nước trên Trái Đất là

A. năng lượng bức xạ Mặt Trời.

C. năng lượng thủy triều.

B. năng lượng địa nhiệt.

D. năng lượng của gió.

Câu 32. Nước ngọt trên Trái Đất **không** bao gồm có ...

A. nước mặt.

B. băng.

C. nước biển.

D. nước ngầm.

Câu 33. Lưu vực của một con sông là

A. vùng đất đai đầu nguồn của các con sông nhỏ.

B. diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên.

C. chiều dài từ thượng nguồn đến các cửa sông.

D. vùng hạ lưu của con sông và bồi tụ đồng bằng.

Câu 34. Chế độ chảy (thủy chế) của một con sông là

A. nhịp điệu thay đổi lưu lượng của con sông trong một năm.

B. sự lên xuống của nước sông do sức hút Trái Đất - Mặt Trời.

C. khả năng chứa nước của con sông đó trong cùng một năm.

D. lượng nước chảy qua mặt cắt dọc lòng sông ở một địa điểm.

Câu 35. Mức nước ngầm phụ thuộc vào các yếu tố nào dưới đây?

A. Nguồn cung cấp nước và lượng bốc hơi.

B. Độ cao địa hình, bề mặt các dạng địa hình.

C. Các hoạt động sản xuất của con người.

D. Vị trí trên mặt đất và hướng của địa hình.

Câu 36. Hợp lưu là gì?

A. Diện tích đất đai có sông chảy qua và tạo ra hồ chứa nước.

B. Nơi dòng chảy của hai hay nhiều hơn các con sông gặp nhau.

C. Nơi có lượng nước chảy tạo ra mặt cắt ngang lòng ở sông.

D. Diện tích đất đai nơi sông thoát nước từ các cửa sông, biển.

Câu 37. Ở vùng đất đá thấm nước, nguồn nước nào có vai trò trong điều hòa chế độ nước sông?

A. Hơi nước.

B. Nước ngầm.

C. Nước hồ.

D. Nước mưa.

Câu 38. Chi lưu là gì?

- A. Các con sông làm nhiệm vụ thoát nước cho sông chính.
- B. Các con sông đổ nước vào con sông chính và sông phụ.
- C. Diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên cho sông.
- D. Lượng nước chảy tạo ra mặt cắt ngang lòng ở con sông.

Câu 39. Cửa sông là nơi dòng sông chính

- A. xuất phát chảy ra biển.
- B. tiếp nhận các sông nhánh.
- C. đổ ra biển hoặc các hồ.
- D. phân nước cho sông phụ.

Câu 40. Hồ và sông ngòi **không** có giá trị nào sau đây?

- A. Thủy sản.
- B. Giao thông.
- C. Du lịch.
- D. Khoáng sản.

Câu 41. Hồ nào sau đây ở nước ta có nguồn gốc hình thành từ một khúc sông cũ?

- A. Hồ Thác Bà.
- B. Hồ Ba Bể.
- C. Hồ Trị An.
- D. Hồ Tây.

Câu 42. Sông nào sau đây có chiều dài lớn nhất thế giới?

- A. Sông I-ê-nit-xây.
- B. Sông Missisipi.
- C. Sông Nin.
- D. Sông A-ma-dôn.

Câu 43. Ở miền ôn đới nguồn cung cấp nước cho sông chủ yếu là do

- A. nước mưa.
- B. nước ngầm.
- C. băng tuyết.
- D. nước ao, hồ.

Câu 44. Sông nào sau đây ở nước ta có tổng lượng nước chảy trong năm lớn nhất?

- A. Sông Đồng Nai.
- B. Sông Đà.
- C. Sông Cửu Long.
- D. Sông Hồng.

Câu 45. Ở vùng ôn đới lạnh, sông thường có lũ lụt vào mùa nào sau đây?

- A. Mùa hạ.
- B. Mùa xuân.
- C. Mùa thu.
- D. Mùa đông.

Câu 46. Sông A-ma-dôn nằm ở châu lục nào sau đây?

- A. Châu Âu.
- B. Châu Mỹ.
- C. Châu Á.
- D. Châu Phi.

Câu 47. Các hồ có nguồn gốc từ băng hà có đặc điểm nào?

- A. Mặt nước đóng băng quanh năm, nhiều hình thù, rất sâu.
- B. Thường sâu, có nhiều hình thù và thủy hải sản phong phú.
- C. Chỉ xuất hiện ở những vùng vĩ độ cao hoặc vùng núi cao.
- D. Nguồn cung cấp nước đa dạng, chảy trực tiếp ra đại dương.

Câu 48. Nước biển và đại dương có mấy sự vận động?

- A. 5.
- B. 3.
- C. 2.
- D. 4.

Câu 49. Dao động thủy triều lớn nhất vào các ngày nào sau đây?

- A. Trăng tròn và không trăng.
- B. Trăng khuyết và không trăng.
- C. Trăng tròn và trăng khuyết.
- D. Trăng khuyết đầu, cuối tháng.

Câu 50. Dòng biển nào là dòng biển lạnh?

- A. Dòng biển Bra-xin.
- B. Dòng biển Gơn-xtrim.
- C. Dòng biển Gơn-len.
- D. Dòng biển Đông Úc.

Câu 51. Hình thức dao động tại chỗ của nước biển và đại dương gọi là

- A. sóng biển.
- B. dòng biển.
- C. thủy triều.
- D. triều cường.

Câu 52. Trên các biển và đại dương có những loại dòng biển nào sau đây?

- A. Dòng biển nóng và dòng biển lạnh.
- B. Dòng biển lạnh và dòng biển nguội.
- C. Dòng biển nóng và dòng biển trắng.
- D. Dòng biển trắng và dòng biển nguội.

Câu 53. Sức hút của Mặt Trời và Mặt Trăng là nguyên nhân chủ yếu hình thành ...?

- A. Dòng biển.
- B. Sóng ngầm.
- C. Sóng biển.
- D. Thủy triều.

Câu 54. Nguyên nhân chủ yếu sinh ra sóng là do

A. gió thổi. B. núi lửa. C. thủy triều. D. động đất.

Câu 55. Nguyên nhân chủ yếu gây ra sóng thần là do

- A. bão, lốc xoáy trên các đại dương. C. sự thay đổi áp suất của khí quyển.
B. chuyển động của dòng khí xoáy. D. động đất ngầm dưới đáy biển.

Câu 56. Nước biển và đại dương có vị mặn (độ muối) là do

- A. hoạt động sống các loài sinh vật trong biển và đại dương tiết ra.
B. các hoạt động vận động kiến tạo dưới biển và đại dương sinh ra.
C. nước sông hòa tan các loại muối từ đất, đá trong lục địa đưa ra.
D. các trận động đất, núi lửa ngầm dưới đáy biển, đại dương tạo ra.

Câu 57. Nguyên nhân chủ yếu sinh ra các dòng biển là do

- A. tác động của các loại gió thổi thường xuyên ở vùng vĩ độ thấp, trung bình.
B. sự chuyển động tự quay của Trái Đất và hướng chuyển động của Trái Đất.
C. sức hút của Mặt Trời và Mặt Trăng ngày càng lớn dần vào đầu, cuối tháng.
D. sự khác biệt về nhiệt độ và tỉ trọng của các lớp nước trong biển, đại dương.

Câu 58. Vai trò quan trọng nhất nào của biển và đại dương đối với khí quyển của Trái Đất?

- A. Cung cấp nguồn nước vô tận cho bầu khí quyển.
B. Cung cấp hơi nước cho vòng tuần hoàn của nước.
C. Giảm bớt tính khắc nghiệt của thời tiết, khí hậu.
D. Cung cấp nguyên liệu cho các hoạt động sản xuất.

Câu 59. Nguồn gốc sinh ra thành phần khoáng trong đất là

- A. khí hậu. B. địa hình. C. đá mẹ. D. sinh vật.

Câu 60. Các thành phần chính của lớp đất là

- A. không khí, nước, chất hữu cơ và vô cơ. B. cơ giới, không khí, chất vô cơ và mùn.
C. chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật. D. nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì.

Câu 61. Đặc điểm nào sau đây không đúng với thành phần hữu cơ trong đất?

- A. Thành phần quan trọng nhất của đất.
B. Chiếm một tỉ lệ nhỏ trong lớp đất.
C. Đá mẹ là sinh ra thành phần hữu cơ.
D. Thường ở tầng trên cùng của đất.

Câu 62. Nguồn gốc sinh ra thành phần hữu cơ trong đất là

- A. sinh vật. B. đá mẹ. C. địa hình. D. khí hậu.

Câu 63. Tầng nào của đất chứa các sản phẩm phong hóa bị biến đổi để hình thành đất?

- A. Tích tụ. B. Thảm mùn. C. Đá mẹ. D. Hữu cơ.

Câu 64. Khu vực Đông Nam Á có nhóm đất chính nào sau đây?

- A. Đất pôtdôn hoặc đất đài nguyên. C. Đất đỏ hoặc đất nâu đỏ xavan.
B. Đất đỏ vàng cận nhiệt ẩm, đất đen. D. Đất feralit hoặc đất đen nhiệt đới.

Câu 65. Thành phần hữu cơ của lớp đất có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chiếm một tỉ lệ lớn trong lớp đất. C. Tồn tại ở giữa các khe hở của đất.
B. Thành phần quan trọng nhất của đất. D. Nằm ở tầng dưới cùng của lớp đất.

Câu 66. Các nhóm đất có sự khác biệt rất lớn về

- A. màu sắc, chất khoáng, độ phì và bề dày. B. màu sắc, thành phần, độ xốp và bề dày.
C. màu sắc, chất khoáng, độ xốp và bề dày. D. màu sắc, chất hữu cơ, độ xốp và độ phì.

Câu 67. Hai yếu tố của khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành đất là

- A. bức xạ và lượng mưa. C. nhiệt độ và lượng mưa.
B. độ ẩm và lượng mưa. D. nhiệt độ và ánh sáng.

Câu 68. Ở nước ta, các loài cây sù, vẹt, được phát triển và phân bố trên loại đất nào?

- A. Đất phù sa ngọt. C. Đất chua phèn. B. Đất feralit đồi núi. D. Đất ngập mặn.

Câu 69. Khí hậu ôn đới lục địa có nhóm đất chính nào sau đây?

- A. Đất pôtdôn. B. Đất đen. C. Đất đỏ vàng. D. Đất nâu đỏ.

Câu 70. Loại đất nào sau đây thường được dùng để trồng cây lúa nước?

- A. Đất phù sa. B. Đất đỏ badan. C. Đất feralit. D. Đất đen, xám

II. Phân môn Lịch sử

1/ Nội dung ôn tập

- Nhà nước Văn Lang-Âu Lạc
- Chính sách cai của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến về kinh tế- xã hội Âu Lạc

2/ Bài tập

Câu 1. Nhà nước đầu tiên của người Việt là ...

- A. Lạc Việt B. Âu Lạc C. Đại Việt D. Văn Lang

Câu 2. Ai là người đứng đầu nhà nước Văn Lang?

- A. Ngô Vương B. Hùng Vương c. An Dương Vương D. Triệu Việt Vương

Câu 3. Ngày nay, Lãnh thổ chủ yếu của nước Văn Lang thuộc khu vực

- A. Bắc Bộ và Nam Trung Bộ. B. Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.
C. Bắc Trung Bộ và Nam Bộ. D. Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Câu 4. Cư dân Văn Lang- Âu Lạc sống quần tụ trong các

- A. Chiềng, chạ. B. Làng, bản. C. Xã, huyện. D. Thôn, xóm.

Câu 5. Kinh đô của nước Âu Lạc đóng ở:

- A. Phong Châu (Phú Thọ ngày nay). B. Phong Khê (Hà Nội ngày nay).
C. Mê Linh (Hà Nội ngày nay). D. Luy Lâu (Bắc Ninh ngày nay).

Câu 6. Người nắm mọi quyền hành trong việc trị nước ở Âu Lạc là:

- A. Lạc tướng. B. Hùng Vương. C. An Dương Vương. D. Bô chính.

Câu 7. Ý nghĩa về tên nước Âu Lạc là:

- A. Tên Âu Lạc hay hơn tên Văn Lang. B. Kết hợp từ chữ Lạc Long Quân - Âu Cơ.
C. Do thần thánh sáng tạo ra. D. Người Tây Âu và Lạc Việt.

- Câu 8.** Lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước” muốn nhắc các thế hệ mai sau về điều gì?
- A. Nhà nước Văn Lang là nhà nước đầu tiên trong lịch sử.
 B. Cần luôn ghi nhớ tới cội nguồn dân tộc, lòng biết ơn và ý thức, trách nhiệm của mình trong việc đấu tranh bảo vệ nền độc lập, chủ quyền của đất nước.
 C. Thường xuyên về thăm di tích lịch sử Đền Hùng.
 D. Tìm hiểu, học tập tốt môn Lịch sử.
- Câu 9.** Đâu là **không phải** là thành tựu kĩ thuật tiêu biểu của cư dân Âu Lạc?
- A. Thành Cổ Loa, mũi tên đồng
 B. Trống đồng, thạp đồng
 C. Thuyền đồng có súng trường
 D. Thuyền gỗ có 2 tầng
- Câu 10.** Nhà nước Văn Lang chia làm bao nhiêu bộ?
- A. 15 bộ. B. 16 bộ. C. 17 bộ. D. 18 bộ.
- Câu 11.** Năm 208 TCN, Thục Phán lên làm vua, xưng là An Dương Vương, lập ra nhà nước
- A. Văn Lang. B. Âu Lạc. C. Chăm-pa. D. Phù Nam.
- Câu 12.** Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là
- A. sản xuất thủ công nghiệp. B. trao đổi, buôn bán qua đường biển.
 C. sản xuất nông nghiệp. D. trao đổi, buôn bán qua đường bộ.
- Câu 13.** Đâu **không phải** phong tục, tập quán của người Việt cổ thời Văn Lang – Âu Lạc?
- A. Xăm mình để tránh thủy quái. B. Tục thờ thần – vua.
 C. Nhuộm răng đen. D. Làm bánh chưng, bánh giầy ngày lễ tết.
- Câu 14.** Nội dung nào sau đây **không đúng** về nước Văn Lang?
- A. Tổ chức nhà nước còn sơ khai. B. Đã có luật pháp thành văn và chữ viết.
 C. Địa bàn chủ yếu ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. D. Chưa có quân đội, luật pháp.
- Câu 15.** Nội dung nào sau đây **không đúng** về nước Âu Lạc?
- A. Kinh đô đặt ở Phong Châu (Phú Thọ). B. Xây dựng được thành Cổ Loa kiên cố.
 C. Địa bàn chủ yếu ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. D. Có quân đội mạnh, vũ khí tốt.
- Câu 16:** Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang thể hiện điều gì?
- A. Đặc trưng của dân tộc chỉ có một ngành kinh tế là nông nghiệp.
 B. Tính chuyên chế của bộ máy nhà nước.
 C. Đặc trưng của dân tộc chuyên làm nghề thủ công và buôn bán.
 D. Tính cộng đồng sâu sắc của người Lạc Việt.
- Câu 17:** Cư dân Văn Lang thường tổ chức lễ hội thể hiện mong muốn gì?
- A. Mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt, đông con cháu, làm ăn yên ổn.
 B. Con cháu đông đủ, mùa màng bội thu.
 C. Cầu mong sức khỏe cho dân làng.
 D. Đất nước yên bình, không có giặc ngoại xâm .
- Câu 18:** Thức ăn hàng ngày của cư dân Văn Lang gồm những gì?
- A. cơm nếp, rau quả, thịt, cá B. cơm nếp, cơm tẻ, rau, cà, thịt, cá.
 C. rau, đậu, ngô, khoai, sắn. D. khoai, đậu, tôm, cá, ngô.
- Câu 19:** Hiện vật nào tiêu biểu cho đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang-Âu Lạc?

A. Nỏ Liên châu. B. Thành Luy Lâu. C. Trống đồng. D. Bánh chưng, bánh dày.

Câu 20. Trị sở cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc là

A. Cổ Loa. B. Luy Lâu. C. Đồ Bàn. D. Vạn An.

Câu 21. Thời kì Bắc thuộc bắt đầu từ khi nào?

A. Năm 179 TCN. B. Năm 208 TCN. C. Năm 179. D. Năm 40.

Câu 22. Người đứng đầu làng xã trong tổ chức chính quyền nhà Hán ở Giao Châu:

A. Tiết độ sứ người Việt. B. Thái thú người Hán.
C. Người Việt. D. Tiết độ sứ người Hán

Câu 23. Nghề thủ công mới nào xuất hiện ở Việt Nam thời Bắc thuộc?

A. Đúc đồng. B. Làm gốm. C. Làm giấy. D. Làm mộc.

Câu 24. Về chính trị, sau khi chiếm được Âu Lạc, các triều đại phong kiến phương Bắc đã

A. sáp nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Quốc. B. bắt cống nạp nhiều sản vật quý.

C. nắm độc quyền về sắt và muối. D. di dân Hán tới, cho ở lẫn với người Việt.

Câu 25. Ngành kinh tế chính của nhân dân Việt Nam dưới thời kì Bắc thuộc là

A. làm muối B. trồng lúa nước. C. đúc đồng, rèn sắt. D. buôn bán qua đường biển.

BGH xác nhận

Nhóm trưởng (TTCM)

GVBM

Tạ Thúy Hà

Nguyễn Thị Kim Thanh

Nguyễn Thị Hà